TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trí;

Ông Ngô Văn Khon.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình không tham gia phiên tòa:

Trong các ngày 07/8 và ngày 24/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2018/TLST-HNGĐ, ngày 29/5/2018 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/7/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị X, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/2/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2008 tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện 2, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Việc chị và anh P kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay đe dọa.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P thiếu quan tân đến vợ con, thường xuyên cùng bạn bè uống rượu, đã nhiều lần chị khuyên giải nhưng anh P không sửa đổi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị và anh P đã sống ly thân cách nay đã hai năm. Nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh P không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/02/2010, hiện nay đang do chị nuôi nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho chị được

ly hôn với anh P, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K đến trưởng thành, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh P không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai nợ anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ra Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các Văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn tại Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Căn cứ vào các Điều 177, 179 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị X và anh P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 25/8/2008, việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, chị X và anh P đã sống ly thân từ 2015 đến nay. Sau khi sống ly thân anh, chị không gặp nhau để trao đổi nhằm hàn gắn;

Xét thấy hôn nhân giữa chị X và anh P là không được hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X đối với anh P là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị X và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/02/2010, hiện nay đang do chị X nuôi dưỡng. Chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Cháu K trình bày: Từ nhỏ đến nay cháu sống với mẹ, đối với cha thì cứ sau khi uống rượu là la mắng cháu, nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ. Xét điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng của cháu K nên việc giao cháu K cho chị X được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con do chị X không có yêu cầu nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị X trình bày chị và anh P không có tài sản chung, không có nợ chung, nhưng không có ý kiến của anh P, nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[3] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 177, 179 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị X đối với anh Nguyễn Thành P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 22/02/2010, hiện nay đang do chị X nuôi dưỡng cho chị X được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị X không có yêu cầu;

Anh Nguyễn Thành P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị X phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số: BG/2015-0002664 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị X và anh P có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- UBND xã 2;
- Đương sự;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Bùi Văn Toán